

Số: 2454/GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh kèm theo Văn bản số 1154/BQLDA-KTTĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 1951/BQLDA-KTTĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hoà Thành - giai đoạn 2 tại thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 805A.../TTr-STNMT ngày 21 tháng 11 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh tại địa chỉ số 86 đường Phạm Tung, khu phố 1, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hoà Thành – giai đoạn 2 tại thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hoà Thành – giai đoạn 2
- 1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: xã Trường Tây, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.
- 1.3. Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hoà Thành – giai đoạn 2.
- 1.4. Mã số thuế: 3900975678.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô, công suất:

+ Xây dựng Trạm xử lý nước thải công suất 6.000m³/ngày.đêm (trong đó các công trình chức năng, các công trình đầu vào phục vụ công suất 12.000m³/ngày.đêm; riêng công trình xử lý sinh học, hoá lý và hệ thống thiết bị công suất theo mô-đun 6.000m³/ngày.đêm và sẽ nâng cấp công suất theo mô-đun đạt 12.000 m³/ngày.đêm khi đầu nối phủ kín mạng lưới thoát nước thải trên toàn thị xã Hoà Thành giai đoạn sau);

+ Xây dựng 02 trạm bơm: Trạm bơm số 01 thuộc phường Long Thành Bắc diện tích khoảng 160 m²; trạm bơm số 02 thuộc phường Long Thành Trung diện tích khoảng 425 m²;

+ Xây dựng hệ thống tuyến ống chính thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải từ các hộ dân đến các tuyến ống chính.

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định

tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh hoặc tại trụ sở UBND xã Trường Tây; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Hoà Thành;
- UBND xã Trường Tây;
- Đăng tải trang thông tin điện tử;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

W

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số ...2454...../GPMT – UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân vận hành và quản lý Dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt thu gom từ các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thuộc phạm vi, quy mô thu gom của Dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

01 dòng nước thải (gồm nguồn số 01 và nguồn số 02) sau xử lý đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Rạch Rễ.

2.3. Vị trí xả nước thải:

2.3.1. Điểm xả nước thải:

Mương quan trắc nước thải của Dự án, nước thải từ mương quan trắc dẫn ra nguồn tiếp nhận là suối Rạch Rễ bằng đường ống D600, khoảng cách từ mương quan trắc nước thải đến điểm xả thải giao với suối Rạch Rễ là 32m (thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.3.2. Tọa độ

- Tọa độ tại mương quan trắc nước thải của Dự án xả thải ra nguồn tiếp nhận: X = 570160,27; Y = 1242600,91.

- Tọa độ tại điểm của nguồn tiếp nhận nước thải (suối Rạch Rễ): X = 1242684,75; Y = 5769955,61.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6.000 m³/ngày.đêm.

2.5. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.6. Chế độ xả nước thải: liên tục khi hệ thống xử lý nước thải vận hành.

2.7. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt -

QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Quan trắc tự động, liên tục	Thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	TSS	mg/l	50		
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
4	TDS	mg/l	500	Quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần	
5	Sulfure (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	BOD ₅	mg/l	30		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên vận hành và quản lý Dự án với lưu lượng lớn nhất là 1,5 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, có 02 bể tự hoại. Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

Nước thải sinh hoạt thu gom từ các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thuộc phạm vi, quy mô của Dự án thu gom về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống chính D900.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → bể lắng cát, tách dầu → bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể anoxic + MBBR → bể lắng sinh học → bể khử trùng → hồ hoàn thiện → nguồn tiếp nhận.

- Trong đó: Bể lắng hóa lý và cụm bể xử lý sinh học (gồm: bể anoxic, bể MBBR, bể lắng sinh học) được chia thành 02 cụm hoạt động song song với nhau, có công suất xử lý mỗi cụm là 3.000 m³/ngày.đêm.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Polymer, PAC

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: 01 hệ thống tại mương quan trắc, sau hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng nước thải, pH, TSS, COD, amoni, nhiệt độ.

- Camera theo dõi: lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh để theo dõi, giám sát.

- Thực hiện yêu cầu kỹ thuật của thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đúng theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng và thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và an toàn hóa chất, tai nạn lao động theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động chống ngập úng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: xây dựng 01 hồ sự cố có thể tích 6.000 m³.

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hồ sự cố	- Vật liệu: lót bạt HDPE - Thể tích hữu ích: 6.000 m ³ - Thời gian lưu hữu ích: 1-3 ngày	01 hồ

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ khi bắt đầu thu gom nước thải để vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) điểm tại hố thu gom.

- Một (01) điểm tại kênh đo lưu lượng.

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

- Thông số: Lưu lượng nước thải; pH; amoni; TSS; TDS; nhiệt độ; H₂S; BOD₅; nitrat; dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; phosphat; tổng coliform.

- Giá trị giới hạn: cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.5. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào suối Rạch Rẽ.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số2454...../GPMT – UBND
ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 360 KVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: có tọa độ vị trí xả thải là $X = 570060,76$; $Y = 1242734,327$.

(theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của trạm xử lý nước thải.

2.2. Phương thức xả khí thải: xả liên tục khi hoạt động.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT–Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,0$, cụ thể như sau:

Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Bụi	mg/Nm ³	120	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục theo Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
SO ₂	mg/Nm ³	30		
NO _x	mg/Nm ³	510		
CO	mg/Nm ³	600		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Cần có kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ hàm lượng không khí để có những đánh giá và kiểm soát quá trình vận hành hợp lý;

- Hạn chế khí thải và tiếng ồn bởi các máy móc và thiết bị vận hành với các dải cây xanh được trồng xung quanh khu xử lý (rộng tối thiểu 10m);

- Quá trình vận chuyển các chất thải (bùn thải, chất thải rắn sinh hoạt) cần chứa trong các khoang tiêu chuẩn để giảm thiểu phát tán khí thải và chất thải rắn ra ngoài

môi trường;

- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các thiết bị máy móc cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.2. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.3. Thiết kế trồng dải cây xanh cách ly có chiều rộng nhỏ nhất là 10 mét, cây xanh trồng là loại cây lá kim, có tán rộng, xanh quanh năm.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..2454...../GPMT – UBND
ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải công suất 6.000 m³/ngày;
- Nguồn số 02: phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 360 KVA;
- Nguồn số 03: phát sinh từ trạm bơm chìm số 1, công suất 62 m³/ngày.
- Nguồn số 04: phát sinh từ trạm bơm chìm số 2, công suất 106 m³/ngày.
- Nguồn số 05: phát sinh từ hồ bơm kỹ thuật số 3, công suất 48 m³/ngày.
- Nguồn số 06: phát sinh từ hồ bơm kỹ thuật số 1, công suất 220 m³/ngày.
- Nguồn số 07: phát sinh từ hồ bơm kỹ thuật số 2, công suất 100 m³/ngày.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 1 (tương ứng nguồn số 1): X = 570114; Y = 1242494;
 - Vị trí số 2 (tương ứng nguồn số 2): X = 570060; Y = 1242734;
 - Vị trí số 3 (tương ứng nguồn số 3): X = 570132; Y = 1247905;
 - Vị trí số 4 (tương ứng nguồn số 4): X = 567194; Y = 1247891;
 - Vị trí số 5 (tương ứng nguồn số 5): X = 568268; Y = 1248628;
 - Vị trí số 6 (tương ứng nguồn số 6): X = 569401; Y = 1245763;
 - Vị trí số 7 (tương ứng nguồn số 7): X = 569186; Y = 1248012;
- (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)*

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp; trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...; sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số2454..../GPMT – UBND
ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Tổng cộng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	2
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ^(KS)	18 02 01	Rắn	7
3	Bao bì cứng thải (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) ^(KS)	18 01 03	Rắn	9
4	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) ^(KS)	18 01 01	Rắn	6
5	Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	3
6	Mực in thải	08 01 11	Rắn	2
Tổng cộng				29

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải đô thị ^{TT}	12 06 10	Bùn	92,3
Tổng khối lượng				92,3

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác sinh hoạt	19,5
Tổng khối lượng		19,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường gạch, mái tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Bố trí tại khu vực riêng biệt trong nhà kho.

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch bao quanh, mái tôn, sàn trát xi măng, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 12 – 120 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

2.3.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn,

chất thải nguy hại:

- Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...2454...../GPMT – UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt được xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm

bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Thực hiện đầy đủ quy định khoảng cách vị trí trạm xử lý nước thải tập trung đến các đối tượng xung quanh theo quy định tại Mục 2.11 QCVN 01:2021/BXD về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Công khai kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục (bao gồm so sánh với giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đã được cấp phép) trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý dự án hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Dự án. Vị trí đặt bảng thông tin điện tử phải thuận lợi cho người dân theo dõi, giám sát. Thời điểm công khai ngay sau khi có kết quả quan trắc và công khai kết quả liên tục trong thời gian 30 ngày.

+ Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý dự án hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Dự án. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.

